

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,464,880,696,125	2,123,106,860,931
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	130,858,752,242	70,696,548,609
1. Tiền	111		25,369,370,824	55,896,548,609
2. Các khoản tương đương tiền	112		105,489,381,418	14,800,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	228,837,057,818	241,006,224,897
1. Chứng khoán kinh doanh	121		6,430,496,835	6,434,491,210
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2,755,031,300)	(2,820,376,300)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		225,161,592,283	237,392,109,987
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		548,461,981,857	662,850,094,880
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	127,948,307,663	122,149,924,725
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	58,604,557,346	67,384,711,278
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	52,598,820,000	144,098,820,000
6. Các khoản phải thu khác	136	V.6	309,523,773,943	329,430,115,972
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(213,477,095)	(213,477,095)
IV. Hàng tồn kho	140		1,524,973,501,296	1,124,858,424,557
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1,524,973,501,296	1,124,858,424,557
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31,749,402,912	23,695,567,988
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	474,487,831	1,303,145,832
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31,110,260,428	19,539,316,054
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		164,654,653	2,853,106,102
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		325,249,458,106	329,665,388,492
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		55,157,593,665	81,882,492,341
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	55,157,593,665	81,882,492,341
II. Tài sản cố định	220		68,414,097,823	72,084,601,910
1. TSCĐ hữu hình	221	V.10	68,007,597,211	71,577,377,294
- Nguyên giá	222		77,764,933,762	76,901,212,626
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9,757,336,551)	(5,323,835,332)
3. TSCĐ vô hình	227	V.11	406,500,612	507,224,616
- Nguyên giá	228		651,048,000	651,048,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(244,547,388)	(143,823,384)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	68,472,898,708	68,280,886,696
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		68,472,898,708	68,280,886,696
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	8,359,222,454	13,352,222,454
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		8,344,222,454	8,344,222,454
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15,000,000	8,000,000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	5,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		124,845,645,456	94,065,185,091
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	124,845,645,456	94,065,185,091
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,790,130,154,231	2,452,772,249,423

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020 (tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

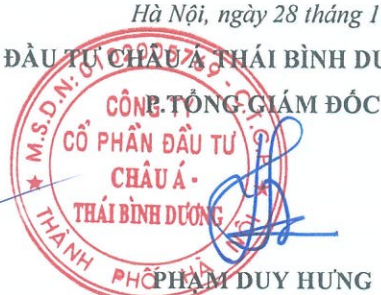
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,250,842,519,038	1,959,862,012,115
I. Nợ ngắn hạn	310		1,833,123,894,775	1,744,054,043,375
1. Phải trả ngắn hạn người bán	311	V.13	174,966,672,404	206,178,729,740
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1,108,136,205,093	776,172,378,562
3. Thuế và các khoản phải trả nhà nước	313	V.15	24,508,398,751	8,841,006,093
4. Phải trả người lao động	314		4,925,560,157	6,831,249,855
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	80,214,136,599	172,656,781,607
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		29,265,602	66,991,812
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	173,196,564,491	278,172,322,207
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	266,811,438,793	294,845,920,846
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		335,652,885	288,662,653
II. Nợ dài hạn	330		417,718,624,263	215,807,968,740
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	97,558,159,582	44,066,546,500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	318,328,753,692	171,741,422,240
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1,831,710,989	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	539,287,635,193	492,910,237,308
I. Vốn chủ sở hữu	410		539,287,635,193	492,910,237,308
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		364,000,000,000	364,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		364,000,000,000	364,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46,144,781,818	46,144,781,818
5. Cổ phiếu quỹ	415		(9,481,291,820)	(9,481,291,820)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,293,626,226	1,293,626,226
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		133,611,337,627	90,926,520,264
LNST chưa phân phối lũy kê đến cuối kỳ trước	421a		90,927,685,819	66,758,506,116
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42,683,651,808	24,168,014,148
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3,719,181,342	26,600,820
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,790,130,154,231	2,452,772,249,423

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2020

CTCP ĐẦU TƯ CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THÚY HÀ

NGUYỄN HOÀI GIANG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Lũy kế quý III năm 2020

CHỈ TIÊU	MÃ THUYẾT SỐ T MINH	Lũy kế quý III năm 2020			Đơn vị tính: VND	
		Quý III năm 2020	Quý III năm 2019	Lũy kế đến Quý III năm 2020	Lũy kế đến Quý III năm 2019	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	88,089,887,340	40,765,581,883	335,314,570,169	155,262,896,477	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	-	-	-	-	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	88,089,887,340	40,765,581,883	335,314,570,169	155,262,896,477	
3. Giá vốn hàng bán	11 VI.2	53,014,153,829	33,187,082,002	221,359,934,658	112,283,638,856	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	35,075,733,511	7,578,499,881	113,954,635,511	42,979,257,621	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.3	2,737,188,524	5,379,967,559	19,049,676,550	11,922,229,375	
7. Chi phí tài chính	22 VI.4	994,707,714	4,215,929,714	8,494,143,956	6,359,543,541	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	994,707,714	4,046,823,572	8,436,703,828	6,184,598,095	
8. Phần lãi hoặc lỗ do công ty liên kết	24	-	-	-	-	
9. Chi phí bán hàng	25 VI.5	3,889,837,794	3,729,036,558	14,475,107,920	5,967,455,004	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 VI.5	17,601,667,046	12,735,739,923	51,726,184,422	40,951,230,172	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	15,326,709,481	(7,722,238,755)	58,308,875,763	1,623,258,279	
[30=20+(21-22)-(24+25)]						
12. Thu nhập khác	31 VI.6	5,664,899,140	1,432,753,436	8,687,322,265	3,692,842,220	
13. Chi phí khác	32 VI.6	1,480,520,211	426,841,815	2,421,021,455	2,290,986,374	
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	4,184,378,929	1,005,911,621	6,266,300,810	1,401,855,846	
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	19,511,088,410	(6,716,327,134)	64,575,176,573	3,025,114,125	
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5,085,207,301	4,162,716,023	20,051,675,696	7,253,537,474	
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	1,831,710,989	-	
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	14,425,881,109	(10,879,043,157)	42,691,789,888	(4,228,423,349)	
(60=50-51-52)						

CHỈ TIÊU	MÃ THUYẾT SỐ T MINH	Quý III năm 2020	Quý III năm 2019	Lũy kế đến Quý III năm 2020	Lũy kế đến Quý III năm 2019
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		14,423,367,397	(10,882,077,798)	42,683,651,809	(4,231,499,560)
18.					
2 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		8,138,079	3,034,641	8,138,079	3,076,211
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.7	407	(307)	1,206	(119)

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2020

CTCP ĐẦU TƯ CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

P. TÔNG GIÁM ĐỐC



NGƯỜI LẬP

[Handwritten signature]

TRẦN THÚY HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Handwritten signature]

NGUYỄN HOÀI GIANG

PHẠM DUY HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Grand Plaza, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 0243.577.1983

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2020

Fax: 0243.577.1983

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Lũy kế đến Quý III năm 2020	Lũy kế đến Quý III năm 2019
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	64,575,176,573	3,025,114,125
	- Khấu hao TSCĐ	02	4,534,225,223	3,124,839,051
	- Các khoản dự phòng	03	(65,345,000)	46,675,000
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19,049,676,550)	(10,980,214,873)
	- Chi phí lãi vay	06	8,436,703,828	6,184,598,095
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	58,431,084,074	1,401,011,398
	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	40,730,518,774	15,315,972,969
	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(400,115,076,739.00)	(368,485,082,643)
	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11	172,151,755,622	595,540,009,301
	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(29,951,802,364)	(67,499,337,263)
	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		1,370,333
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(4,912,167,972)	(6,081,456,089)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9,211,900,563)	(21,919,692,646)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	205,222,679
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(57,522,308)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(172,877,589,168)	148,420,495,731
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(1,055,733,148)	(11,053,316,459)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(81,400,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	91,500,000,000	30,000,000,000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7,000,000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5,000,000,000	(864,876,105)
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	19,049,676,550	7,850,446,329
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	114,486,943,402	(55,467,746,235)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33	519,571,012,353	733,540,602,856
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(401,018,162,954)	(653,117,628,209)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	118,552,849,399	80,422,974,647
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	60,162,203,633	173,375,724,143

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	70,696,548,609	63,108,014,946
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	130,858,752,242	236,483,739,089

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2020

CTCP ĐẦU TƯ CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

NGƯỜI LẬP

TRẦN THÚY HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN HOÀI GIANG

PHÒNG GIÁM ĐỐC



PHẠM DUY HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ III NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Đầu tư, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Văn phòng Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Văn phòng Công ty thường trên 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động trong kỳ

Trong 6 tháng đầu năm, doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động bán Bất động sản của Dự án khu Thương mại - Dịch vụ và Shophouse tại Phú Yên và doanh thu cho thuê đất ghi nhận 1 lần.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất quý III này.

Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	Khu Thanh Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam	Tầng 3 nhà 205, đường Lê Hoàn, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên	Ngã 3 Bắc Nam, tổ 22, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô	Tầng 9, tòa nhà HCC, 28 Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	90,16%	90,16%	90,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Dubai	Đường Yên Ninh, phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	55%	55%	55%
Công ty Cổ phần Đầu Tư APEC Quảng Trị	91 Lê Duẩn, phường Đông Thanh, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	51%	51%	51%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 337 nhân viên đang làm việc tại các Công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 345 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí bán hàng dự án. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bán hàng dự án chưa bàn giao

Chi phí bán hàng dự án (bao gồm: chi phí hoa hồng môi giới, chi phí thưởng bán hàng,...) được phân bổ vào chi phí tương ứng số căn hộ đã bàn giao cho khách hàng trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3-7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản của Tập đoàn được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tập đoàn không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Trong 9 tháng đầu năm 2020, Tập đoàn phát sinh khoản doanh thu cho thuê đất được hạch toán một lần đối với toàn bộ tiền cho thuê nhận trước.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)

nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	562,968,097	438,504,667
Tiền gửi ngân hàng	24,806,402,727	55,458,043,942
Các khoản tương đương tiền	105,489,381,418	14,800,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	105,489,381,418	14,800,000,000
Tổng	130,858,752,242	70,696,548,609

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	30/09/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Cổ phiếu	6,243,865,000	(2,755,031,300)	6,243,865,000	(2,820,376,300)
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á- Thái Bình Dương</i>	2,987,200,000	(2,753,825,000)	2,987,200,000	(2,819,170,000)
<i>Công ty Cổ phần Len Hà Đông</i>	2,138,120,000	-	2,138,120,000	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco</i>	701,190,000	-	701,190,000	-
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải</i>	413,250,000	-	413,250,000	-
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>	4,105,000	(1,206,300)	4,105,000	(1,206,300)
Các khoản đầu tư khác	186,631,835	-	190,626,210	-
<i>Ủy thác đầu tư (*)</i>	186,631,835	-	190,626,210	-
Tổng	6,430,496,835	(2,755,031,300)	6,434,491,210	(2,820,376,300)

(*) Thể hiện khoản tiền lưu ký chứng khoán và khoản tiền ủy thác cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á- Thái Bình Dương để thực hiện đầu tư chứng khoán cho Công ty.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	2,820,376,300
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(65,345,000)
Số cuối kỳ	2,755,031,300

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn/dài hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

	30/09/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá gốc</u>
Ngắn hạn	225,161,592,283	237,392,109,987
- Tiền gửi có kỳ hạn	225,161,592,283	237,392,109,987
Dài hạn	-	5,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	5,000,000,000
Tổng	<u>225,161,592,283</u>	<u>242,392,109,987</u>

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dream Works Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107001302 thay đổi 04 ngày 21 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dream Works Việt Nam 25,08% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn sở hữu 1.000.000 cổ phần, tương ứng 25,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dream Works Việt Nam.

	<u>Số cuối kỳ</u>
Giá gốc	10.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(1.655.777.546)
Cộng	<u>8.344.222.454</u>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	8.344.222.454
Tăng (giảm) trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>8.344.222.454</u>

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Tập đoàn không có phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

2d. Đầu tư vào đơn vị khác

	30/09/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
	15,000,000	8,000,000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Xử lý Môi trường	15,000,000	8,000,000
Tổng	<u>15,000,000</u>	<u>8,000,000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	14,695,178,434	16,592,209,684
Công ty Cổ phần Dream Works Việt Nam	14,117,678,434	15,617,678,434
Ông Phạm Duy Hưng	577,500,000	974,531,250
Phải thu các khách hàng khác	113,253,129,229	105,557,715,041
Khách hàng mua Bất động sản	111,315,042,433	105,326,029,693
Dự án Royal Park Bắc Ninh	68,889,977,012	69,962,341,696
Dự án Royal Park Huế	22,869,984,133	20,187,716,003
Dự án Đa Hội	4,726,335,314	2,554,664,714
Dự án Phú Yên	14,828,745,974	12,621,307,280
Các khách hàng khác	1,938,086,796	231,685,348
Tổng	127,948,307,663	122,149,924,725

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trả trước cho các bên liên quan	-	20,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	-	20,000,000,000
Trả trước cho người bán khác	58,604,557,346	47,384,711,278
Công ty Cổ phần Mặt dựng CAG	-	5,496,917,780
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ricons	10,097,496,926	1,065,992,610
Công ty TNHH Schindler Việt Nam	8,148,000,000	-
Một số đối tượng khác	40,359,060,420	40,821,800,888
Tổng	58,604,557,346	67,384,711,278

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Cho vay các bên liên quan	35,098,820,000	119,098,820,000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương (lãi suất 0%/năm)	678,500,000	678,500,000
Công ty Cổ phần BG Group (lãi suất 12%/năm)	34,150,000,000	40,150,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (lãi suất 12%/năm)	-	45,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Bắc Giang (lãi suất 12%/năm)	270,320,000	270,320,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Holding (lãi suất 12%/năm)	-	33,000,000,000
Cho vay tổ chức khác	17,500,000,000	25,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư AnPha (lãi suất 12%/năm)	17,500,000,000	25,000,000,000
Tổng	52,598,820,000	144,098,820,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)**6. Phải thu ngắn hạn/phải thu dài hạn**

	30/09/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	12,316,596,802	-	3,415,062,557	-
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam- Tiền lãi cho vay	3,055,232,876	-	581,917,808	-
Công ty CP Đầu tư Apec Holding- Tiền lãi cho vay	2,911,890,410	-	347,178,082	-
Công ty CP Tập đoàn Apec Group- Tiền lãi cho vay	6,349,473,516	-	2,485,966,667	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	297,207,177,141	-	326,015,053,415	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	1,655,778,582	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phương	57,075,000,000	-	57,075,000,000	-
Công ty Cổ phần APEC Thái Nguyên - Chi hộ dự án số 5 Túc Duyên	46,641,473,040	-	46,641,473,040	-
Thuê TNDN tạm nộp 1% của bất động sản	8,258,407,343	-	4,855,477,284	-
- Tạm ứng	155,519,856,339	-	152,489,369,354	-
Dự thu các khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn	1,394,406,447	-	7,240,945,463	-
Ban Quản lý Khu vực PT Đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế	22,408,880,000	-	22,408,880,000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5,909,153,972	-	33,648,129,692	-
Dài hạn	55,157,593,665	-	81,882,492,341	-
- Ký cược, ký quỹ	47,212,969,560	-	73,937,868,236	-
Công ty TNHH Xử lý Môi trường Từ Sơn	7,944,624,105	-	7,944,624,105	-
Tổng	364,681,367,608	-	411,312,608,313	-

7. Nợ xấu

	30/09/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán hàng	213,477,095	-	213,477,095	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	110,000,000	-	110,000,000	-
Ông Phạm Ngọc Tuấn	5,000,000	-	5,000,000	-
Ông Takaaki Iwai	98,477,095	-	98,477,095	-
Tổng	213,477,095	-	213,477,095	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	30/09/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	190,293,798	-	66,679,226	-
Chi phí SX KDDD	1,524,783,207,498	-	1,124,791,745,331	-
Tổng	1,524,973,501,296	-	1,124,858,424,557	-
Chi tiết Chi phí SX KDDD				
Dự án Royal Park Huế	347,609,264,530	-	332,003,339,780	-
Dự án Royal Park Bắc Ninh	30,054,484,905	-	31,895,656,491	-
Dự án Mandala Phú Yên	360,334,044,192	-	185,928,204,907	-
Dự án Khu Công nghiệp Đa Hội	125,361,380,541	-	126,641,598,302	-
Dự án Aqua Park Bắc Giang	570,932,107,260	-	363,651,105,492	-
Dự án Golden Place Lạng Sơn	81,425,583,821	-	77,600,944,702	-
Dự án Khu Đô thị số 5 Phường Túc Duyên	1,057,794,210	-	1,057,794,210	-
Công trình, dự án khác	8,008,548,039	-	6,013,101,447	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	474.487.831	1.303.145.832
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	271.632.041
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	474.487.831	1.031.513.791
Dài hạn	124.845.645.456	94.065.185.091
Chi phí công cụ dụng cụ	3.582.015.071	5.953.756.589
Chi phí bán hàng dự án chưa bàn giao	115.620.622.220	88.111.428.502
Chi phí lợi nhuận cam kết	5.643.008.165	-
Tổng	125.320.133.287	95.368.330.923

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2020	67,017,390,949	2,678,529,180	4,077,224,637	2,086,549,040	1,041,518,820	76,901,212,62
Tăng trong năm	603,778,136	-	60,672,091	199,270,909	-	863,721,13
Tăng do mua sắm	603,778,136	-	193,593,000	66,350,000	-	863,721,13
Phân loại lại	-	-	(132,920,909)	132,920,909	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/09/2020	67,621,169,085	2,678,529,180	4,137,896,728	2,285,819,949	1,041,518,820	77,764,933,76
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2020	3,788,966,253	357,228,970	595,897,944	499,416,024	82,326,141	5,323,835,33
Tăng trong năm	3,057,791,387	471,664,743	668,707,775	131,121,744	104,215,570	4,433,501,21
Khấu hao trong năm	3,057,791,387	471,664,743	668,707,775	171,881,230	63,456,084	4,433,501,21
Phân loại lại	-	-	-	(40,759,486)	40,759,486	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/09/2020	6,846,757,640	828,893,713	1,264,605,719	630,537,768	186,541,711	9,757,336,55
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2020	63,228,424,696	2,321,300,210	3,481,326,693	1,587,133,016	959,192,679	71,577,377,29
Tại 30/09/2020	60,774,411,445	1,849,635,467	2,873,291,009	1,655,282,181	854,977,109	68,007,597,21

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm, chi tiết như sau

	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	651,048,000	651,048,000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 30/09/2020	651,048,000	651,048,000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2020	143,823,384	143,823,384
Tăng trong năm	100,724,004	100,724,004
Khấu hao trong năm	100,724,004	100,724,004
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 30/09/2020	244,547,388	244,547,388
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2020	507,224,616	507,224,616
Tại 30/09/2020	406,500,612	406,500,612

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2020	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	30/09/2020
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	68,280,886,696	192,012,012	-	68,472,898,708
Dự án Trung tâm Thương mại Thái Nguyên	58,700,637,271	-	-	58,700,637,271
Dự án Quản lý Chợ Tam Đa	5,605,810,607	-	-	5,605,810,607
Dự án Trạm Giặt là Bắc Ninh	160,045,600	-	-	160,045,600
Dự án Khu dân cư số 5. phường Túc Duyên. TP Thái Nguyên	637,068,181	-	-	637,068,181
Các dự án khác	3,177,325,037	192,012,012	-	3,369,337,049
Tổng	68,280,886,696	192,012,012	-	68,472,898,708

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	120,576,166,168	143,613,903,207
Công ty CP Đầu tư IDJ Việt Nam	120,576,166,168	143,613,903,207
Phải trả nhà cung cấp khác	54,390,506,236	62,564,826,533
Công ty TNHH Ái Ân	9,657,814,297	4,929,642,823
Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoàng Phú	4,867,130,659	5,691,081,846
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hòa Bình Xanh	4,548,706,719	9,982,578,255
Công ty TNHH MTV Xây dựng HSC	387,634,475	4,723,239,168
Công ty CP PT ĐT và XD Long Giang 3B	2,119,833,785	6,257,142,643
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Xây Dựng Đồng Tiến	5,228,714,425	1,877,663,996
Đối tượng khác	27,580,671,876	29,103,477,802
Tổng	174,966,672,404	206,178,729,740

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trả trước của các khách hàng mua bất động sản	1,108,136,205,093	776,172,378,562
Dự án Apec Aqua Park Bắc Giang	218,654,297,782	116,541,893,357
Dự án Đa Hội	28,349,331,139	9,917,778,254
Dự án Phú Yên Condotel, Shopcentre	409,620,818,869	162,050,782,479
Dự án Phú Yên Shophouse	18,008,095,420	39,963,456,531
Dự án Royal Park Huế	424,203,584,604	446,307,217,941
Đối tượng khác	9,300,077,279	1,391,250,000
Tổng	1,108,136,205,093	776,172,378,562

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÁU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020 (VND)		30/09/2020 (VND)	
	Phải thu	Phải Nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm
Thuế giá trị gia tăng	2,853,106,102	8,841,006,093	56,435,371,389	38,047,964,460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	32,762,132,868	28,213,271,988
Thuế TNDN tạm nộp 1%	2,853,106,102	5,289,537,581	20,051,675,696	5,941,318,208
Thuế thu nhập cá nhân	-	2,385,098,644	3,270,582,355	3,270,582,355
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	976,680,587	3,208,865,628	3,481,678,535
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	189,689,281	404,695,729	404,695,729
			8,001,468	7,000,000

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý III có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	80,214,136,599	172,656,781,607
Trích trước chi phí dự án Phú Yên	26,608,759,932	32,525,427,877
Trích trước chi phí Dự án Trung tâm thương mại Bắc Ninh	48,864,792,300	137,755,285,638
Dự án lãi trái phiếu, lãi vay	3,524,535,856	2,189,408,092
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1,216,048,511	186,660,000
Tổng	80,214,136,599	172,656,781,607

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	173,196,564,491	278,172,322,207
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	123,025,917	80,188,504
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	494,121,413	260,833,135
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23,414,511,648	25,935,261,094
Nhận tiền cho vay của cá nhân vào Dự án Mandala Phú Yên	30,678,456,031	129,988,934,195
Nhận tiền cho vay của Cty CP BĐS An Phát Land vào dự án Khu đô thị số 5 phường Túc Duyên	52,872,478,310	49,002,703,310
Nhận tiền cho vay của các cá nhân vào Dự án Trung tâm thương mại Thái Nguyên	40,416,263,450	38,256,489,450
Nhận tiền cho vay của các cá nhân vào Dự án Aqua Park Bắc Giang	1,532,230,926	1,037,356,295
Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào Dự án KCN Đa Hội Bắc Ninh	240,000,000	5,912,640,272
Nhận tiền cho vay của các cá nhân vào Dự án Golden Palace Lạng Sơn	2,050,156,760	6,245,907,950
Kinh phí bảo trì nhà chung cư Royal Park Bắc Ninh	16,798,133,995	16,798,133,995
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4,577,186,041	4,653,874,007
Dài hạn	97,558,159,582	44,066,546,500
Công ty Cổ phần BĐS An Phát Land	41,866,546,500	41,866,546,500
Nhận ký cược, ký quỹ dự án	55,691,613,082	2,200,000,000
Tổng	270,754,724,073	322,238,868,707

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÁU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III (tiếp theo)

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

	01/01/2020		Phát sinh trong năm		30/09/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	294.845.920.846	294.845.920.846	370.243.680.901	398.278.162.954	266.811.438.793	266.811.438.793
Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Thái Nguyên	11.500.990.000	11.500.990.000	-	-	11.500.990.000	11.500.990.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Phú Xuân	67.945.342.225	67.945.342.225	232.741.636.058	272.401.259.264	28.285.719.019	28.285.719.019
Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội- CN Huế	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	47.311.360.000	47.311.360.000	103.933.488.383	80.308.347.230	70.936.501.153	70.936.501.153
Vay dài hạn đến hạn phải trả	156.088.228.621	156.088.228.621	24.568.556.460	24.568.556.460	156.088.228.621	156.088.228.621
Công ty CP Đầu tư AnPha	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-
Vay dài hạn	171.741.422.240	171.741.422.240	149.327.331.452	2.740.000.000	318.328.753.692	318.328.753.692
Ngân hàng TNHH Indovina- CN Đồng Đa	33.115.223.080	33.115.223.080	-	-	33.115.223.080	33.115.223.080
Ngân hàng TNHH Indovina- CN Mỹ Đình	29.772.999.160	29.772.999.160	75.401.662.070	-	105.174.661.230	105.174.661.230
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Phú Xuân	29.453.200.000	29.453.200.000	-	-	29.453.200.000	29.453.200.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt nam- CN Hà Nội	-	-	73.705.669.382	-	73.705.669.382	73.705.669.382
Trái phiếu thường dài hạn	79.400.000.000	79.400.000.000	220.000.000	2.740.000.000	76.880.000.000	76.880.000.000
Tổng	466.587.343.086	466.587.343.086	519.571.012.353	401.018.162.954	585.140.192.485	585.140.192.485

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	364,000,000,000	46,144,781,818	(9,481,291,820)	1,293,626,226	66,747,242,840	24,096,882	468,728,455,946
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	-	24,178,014,148	3,767,214	24,181,781,362
Giảm khác	-	-	-	1,263,276	1,263,276	(1,263,276)	-
Số dư tại 31/12/2019	364,000,000,000	46,144,781,818	(9,481,291,820)	1,293,626,226	90,926,520,264	26,600,820	492,910,237,308
Số dư tại 01/01/2020	364,000,000,000	46,144,781,818	(9,481,291,820)	1,293,626,226	90,926,520,264	26,600,820	492,910,237,308
Tăng vốn	-	-	-	-	-	3,685,608,000	3,685,608,000
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	-	42,683,651,808	8,138,077	42,691,789,885
Giảm khác	-	-	-	-	1,165,555	(1,165,555)	-
Số dư tại 30/09/2020	364,000,000,000	46,144,781,818	(9,481,291,820)	1,293,626,226	133,611,337,627	3,719,181,342	539,287,635,193

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III (tiếp theo)

19b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.400.000	36.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.400.000	36.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.400.000	36.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1.000.000)	(1.000.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(1.000.000)	(1.000.000)
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.400.000	35.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.400.000	35.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến nay</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán BĐS	292,308,226,763	121,145,252,322
Doanh thu cho thuê đất	20,351,329,092	10,099,659,100
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22,655,014,314	12,226,470,781
Tổng	335,314,570,169	143,471,382,203

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến nay</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn BĐS đã bán	179,218,650,024	73,657,339,051
Giá vốn cho thuê đất	5,127,428,100	1,617,070,030
Giá vốn cung cấp dịch vụ	37,013,856,534	37,009,229,775
Tổng	221,359,934,658	112,283,638,856

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến nay</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	303,168,629	
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18,624,507,921	10,980,214,873
Doanh thu tài chính khác	122,000,000	942,014,502
Tổng	19,049,676,550	11,922,229,375

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến nay	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay, trái phiếu	8,436,703,828	6,184,598,095
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tôn	(65,345,000)	46,675,000
Chi phí tài chính khác	122,785,128	128,270,446
Tổng	8,494,143,956	6,359,543,541

5. Chi phí bán hàng/Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến nay	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	14,475,107,920	5,967,455,004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14,475,107,920	5,967,455,004
Chi phí quản lý	51,726,184,422	40,951,230,172
Chi phí nhân viên quản lý	35,572,926,674	25,971,606,312
Chi phí vật liệu quản lý	720,606,001	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	59,107,007	322,039,693
Chi phí khấu hao TSCĐ	731,563,741	610,972,487
Thuế phí và lệ phí	238,356,336	266,001,382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,828,139,127	6,858,124,033
Chi phí bằng tiền khác	10,575,485,536	6,922,486,265
Tổng	66,201,292,342	46,918,685,176

6. Thu nhập khác/chi phí kh

	Lũy kế từ đầu năm đến nay	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Thu tiền phạt hợp đồng, phí chuyển nhượng căn hộ	4,766,239,028	2,988,637,457
Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	1,445,455	-
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	3,919,637,782	704,204,763
Tổng	8,687,322,265	3,692,842,220
Chi phí khác		
Chi bồi thường hợp đồng	-	70,000,000
Phạt vi phạm hành chính	146,093,000	56,100,000
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	193,157,770
Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ	1,187,062	-
Chi phí khác	2,273,741,393	1,971,728,604
Tổng	2,421,021,455	2,290,986,374
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	6,266,300,810	1,401,855,846

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III (tiếp theo)

7. Lãi trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến nay	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	42,683,651,809	(4,231,499,560)
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	42,683,651,809	(4,231,499,560)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	35,400,000	35,400,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1,206	(119)

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý III.

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu

Trần Thúy Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Giang

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Duy Hưng